



ĐK-103

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1069209078**

Trang/ Page: 1/3



1. Phương tiện đo/ Object: **BỘ GHI NHIỆT ĐỘ 30 KÊNH/ MEMORY HILOGGER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **HIOKI**

3. Kiểu/ Model: **LR8402-20**

Số nhận dạng/ ID: **78**

4. Số hiệu/ SN: **170318567**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Loại nhiệt kế/ Type: **Nhiệt kế chỉ thị và tự ghi nhiệt độ**

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **-200 ÷ 1372°C**

+ Độ phân giải/ Resolution: **0,01; 0,05°C**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A-00 -**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,2 ÷ 25,3] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[59 ÷ 62] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **12/09/2022**

14. Ngày bảo trì tiếp theo/ Recommended date of next maintenance: **12/09/2023**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A078**

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.

2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.

3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^o: A1069209078

Trang/ Page: 2/3



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/ RESULTS OF MAINTENANCE

Kiểm tra thiết bị trước bảo trì/ Check equipment *before maintenance*:

+ Kiểm tra bên ngoài/ External check.

- Kiểm tra nhãn mác, thông tin thiết bị/ Check label, device information.
- Kiểm tra công tắc, phím bấm, màn hình hiển thị/ Check switches, buttons, display.

+ Kiểm tra kỹ thuật/ Technical inspection.

- Kiểm tra nguồn cấp điện/ Check the power supply.
- Kiểm tra hệ thống điều khiển/ Check the control system.
- Kiểm tra chức năng hoạt động của phương tiện đo/ Check the functioning of the measuring device.

Nội dung bảo trì/ Maintenance content:

+ Vệ sinh bên ngoài thiết bị/ *Ousite cleaning.*

- Vệ sinh nắp đậy phía trên thiết bị/ *Clean the top cover of the device.*
- Vệ sinh bề mặt thiết bị/ *Clean equipment surface.*
- Kiểm tra, vệ sinh màn hình hiển thị/ *Check and clean the display screen.*

+ Vệ sinh bên trong khoang làm việc/ *Clean inside the working compartment.*

- Kiểm tra, vệ sinh hệ thống hiển thị của thiết bị/ *Check and clean the display system of the device.*
- Vệ sinh các khe cắm đầu dò nhiệt/ *Clean the slots of heat probe.*

+ Kiểm tra, vệ sinh bên trong thiết bị/ Check and clean the inside of the device.

- Kiểm tra, vệ sinh kết nối nguồn điện/ Check and clean the power connection.
- Kiểm tra , làm sạch khoang chứa thiết bị/ Check and clean the equipment compartment.

Kiểm tra, đo lường sau bảo trì/ Check, measure after maintenance:

- Đặt thiết bị ghi nhiệt độ vào lò tạo nhiệt chuẩn/ *Place the temperature recorder in the standard heater.*
- Cài đặt nhiệt độ cần kiểm tra/ *Temperature setting to be checked.*
- Vận hành lò hoạt động ổn định/ *Furnace operation stable operation.*
- Tiến hành ghi số liệu sau bảo trì/ *Recording data after maintenance.*

Kết quả/ *Results:*

Đầu dò	Nhiệt độ thiết bị chuẩn/ Standard temperature °C	Nhiệt độ chỉ thị/ Indication temperature °C	Error °C
B1	25.002	24.58	-0.422

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1069209078**

Trang/ Page: 3/3



B2	25.002	24.62	-0.382
B3	25.002	24.59	-0.412
B4	25.002	24.56	-0.442
B5	25.002	24.56	-0.442
B6	25.002	24.55	-0.452
B7	25.002	24.55	-0.452
B8	25.002	24.55	-0.452
B9	25.002	24.56	-0.442
B10	25.002	24.57	-0.432

2. Kết luận sau khi bảo trì/ *Concluded after maintenance:*

- Thiết bị hoạt động bình thường/ *The device is operating normally.*

--- Hết/ End ---

AoV

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.